

TÁC ĐỘNG VÀ MỐI NGUY CƠ ĐE DỌA ĐẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH SAU HAI NĂM GIA NHẬP WTO

ThS. NGUYỄN VĂN DŨNG

Sự kiện VN gia nhập và trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) tháng 11/2006 là bước chuyển biến tương đối toàn diện của nền kinh tế VN trong tiến trình hội nhập quốc tế. Động thái này vừa tác động trở lại đối với công cuộc đổi mới ở trong nước, vừa nâng cao vị thế của VN trên trường quốc tế, mở ra một cơ hội lớn cho VN trong việc phát triển kinh tế, thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài vào VN trong những năm sau này. Bên cạnh những lợi thế từ việc hội nhập, nền kinh tế nước ta - một nền kinh tế đang phát triển - cũng còn không ít những thách thức phải đối mặt. Trong đó lĩnh vực hoạt động tài chính nói chung, thị trường chứng khoán nói riêng được đánh giá là lĩnh vực nhạy cảm và chịu tác động rất lớn với rất nhiều thách thức. Tuy nhiên việc gia nhập là một tất yếu và là động lực hỗ trợ cho sự phát triển thị trường tài chính nếu VN tháo gỡ được những khó khăn trong giai đoạn tới.

Sau hai năm gia nhập WTO, thị trường tài chính VN gặp nhiều thuận lợi nhưng cũng đối mặt không ít với những khó khăn, diễn biến thất thường của kinh tế thế giới, VN đang đứng trước những cơ hội và thách thức, nếu không biết vận dụng những cơ hội thì những cơ hội đó có thể biến thành nguy cơ; do đó buộc VN phải cải cách thể chế, nâng cao năng lực cạnh tranh sẽ tạo thành những động lực phát triển quan trọng nhất cho VN trong giai đoạn tới.

Trong bối cảnh hiện nay, không phải kinh tế bị khủng hoảng là do gia nhập WTO mà chính việc gia nhập WTO thì làm cho khủng hoảng có sức lan tỏa nhanh hơn, mạnh hơn, chính vì vậy cần có một sự nhận diện đầy đủ những thách thức và sự tác động đối với thị trường chứng khoán là vấn đề hết sức cần thiết và quan trọng để từ đó có những chính sách cũng như những giải pháp đúng đắn, linh hoạt, tích cực và hiệu quả để khai

thác tối đa những lợi thế, cơ hội; nhận biết những tác động tiêu cực, những diễn biến bất thường của kinh tế thế giới để giảm thiểu và ngăn ngừa những hệ quả xấu của sự tác động. Đồng thời, với yêu cầu đặt ra phải xem xét, đánh giá lại hiệu quả của những giải pháp phát triển kinh tế, giải pháp cải cách trong thời gian qua, làm cơ sở đưa ra những điều kiện cần thiết để hội nhập sâu một cách vững chắc vào nền kinh tế toàn cầu.

1. Tổng quan về sự phát triển thị trường chứng khoán sau 2 năm gia nhập WTO

Sự phát triển nổi bật của thị trường chứng khoán trong thời gian qua thể hiện qua tổng quan qua 3 vấn đề quan trọng: quy mô thị trường, các công ty chứng khoán và các nhà đầu tư.

Thứ nhất, quy mô hoạt động phát triển của thị trường:

Trước khi gia nhập, thị trường chứng khoán VN trong giai đoạn sơ khai hình thành phát triển cũng như các thị trường chứng khoán khác trên thế giới. Tuy nhiên, vào năm 2006 là thời gian mà thị trường chứng khoán VN phát triển về mọi phương diện như quy mô giao dịch tăng cao, các công ty thực hiện đăng ký, niêm yết giao dịch trên thị trường nhiều hơn, các tổ chức tài chính, công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư tham gia thị trường cũng gia tăng nhanh chóng, công nghệ thông tin quản lý công ty, phục vụ cho nhà đầu tư phong phú, đa dạng hơn.

Từ khi gia nhập WTO, thì quy mô thị trường lại càng lớn mạnh hơn thể hiện qua các chỉ tiêu phát triển về số lượng, khối lượng và giá trị CK niêm yết, theo đó giá trị vốn hoá CP cũng đã tăng nhanh. Thị trường đạt mức kỷ lục vào ngày 12/3/07: 1.170,67 điểm. Từ tháng 3/07 đến nay, tuy thị trường chứng khoán có bước phát triển chậm lại nhưng phù hợp với tình hình thực tế của VN.

Bảng 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán

Chỉ tiêu	Trước khi gia nhập WTO			Từ khi gia nhập	
	2004	2005	2006	2007	2008
1. Số lượng CK niêm yết	234	356	475	507	242
Trong đó : Cổ phiếu	26	32	106	138	170
2. Khối lượng CK niêm yết (ngàn)	402.116	616.644	2.079.460	4.564.733	6.146.633
Trong đó: Cổ phiếu	133.586	191.750	1.406.149	3.804.969	5.739.531
3. Giá trị CK niêm yết, gồm (tỷ đồng)	25.489	41.707	72.393	98.599	75.539
Trong đó: Cổ phiếu	1.336	1.918	14.061	38.05	57.395
4. Giá trị vốn hoá cổ phiếu (tỷ đồng)	4.237	7.390	147.967	364.425	169.706
5. Tổng sản phẩm GDP (tỷ đồng)	713.072	837.858	964.961	1.046.983	1.218.370
6. Vốn hoá cổ phiếu/GDP (%)	0,59%	0,88%	15,33%	34,81%	12,93%

Nguồn số liệu tổng hợp từ Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

Thứ hai, tình hình hoạt động và phát triển của các công ty chứng khoán:

Sự phát triển nhanh về số lượng các công ty chứng khoán, nếu như trước khi gia nhập WTO chỉ có 7 công ty chứng khoán, 7 công ty quản lý quỹ, sau hai năm số công ty chứng khoán tăng mạnh: đã có 92 công ty chứng khoán thành viên, với tổng vốn điều lệ lên đến 20.295 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các dịch vụ đã và đang phát triển đa dạng hơn và phong phú hơn về số lượng cũng như chất lượng. Hiện nay có 42/92 công ty được cấp phép đủ 4 loại nghiệp vụ và đã triển khai hầu hết các nghiệp vụ kinh doanh được cấp phép.

Thứ ba, các nhà đầu tư và doanh nghiệp

Bảng 2: Tình hình giao dịch của các nhà đầu tư

Chỉ tiêu	Trước khi gia nhập WTO (cuối năm 2006)	Từ khi gia nhập (đến cuối năm 2008)	Tăng trưởng
1. Số tài khoản GD của nhà đầu tư cá nhân	66.110	528.802	8,0 lần
2. Số tài khoản GD của nhà đầu tư nước ngoài	2.100	11.941	5,7 lần
3. Khối lượng giao dịch mua ròng (số CK)	83.939.833	281.817.190	3,4 lần
4. Giá trị giao dịch mua ròng (tỷ đồng)	4.914,35	35.658,94	7,2 lần

Nguồn số liệu tổng hợp từ Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.

niêm yết:

Sự phát triển nhanh của thị trường chứng khoán, trong đó có sự cải thiện khá rõ rệt về số lượng và chất lượng nhà đầu tư (nhất là sự gia tăng các nhà đầu tư lớn, nước ngoài, có tổ chức và chuyên nghiệp), các công ty niêm yết, các chủng loại hàng hóa chứng khoán giao dịch trên thị trường; quy mô thị trường ngày càng mở rộng, số lượng và chất lượng nhà đầu tư chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, sự tác động tích cực này cũng có mặt trái của nó là những yếu tố bất ổn, thiếu tính bền vững nếu không có sự quản lý, giám sát hữu hiệu.

Sự phát triển nhanh về số lượng các nhà đầu tư thể hiện qua sự phát triển nhanh về số tài khoản giao dịch của các nhà đầu tư cá nhân tăng gấp 8 lần; số tài khoản giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài tăng gấp 5,7 lần. Khối lượng giao dịch mua ròng tăng 3,4 lần; giá trị giao dịch mua ròng tăng gấp 7,2 lần. Sau 2 năm gia nhập WTO, số lượng nhà đầu tư nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán ngày càng gia tăng, tạo hiệu ứng đối với nhà đầu tư trong nước và đã có tác động thúc đẩy rất lớn đối với thị trường chứng khoán trong nước nói chung và TP.HCM nói riêng.

2. Những thách thức và mối nguy cơ đe dọa từ việc gia nhập WTO

Tác động mặt trái của việc VN gia nhập WTO đến thị trường chứng khoán đã, đang và sẽ có nhiều biểu hiện đa dạng và mức độ khác nhau, như là hệ quả tất yếu của những thách thức tất yếu mà VN phải đối diện khi trở thành thành viên chính thức của WTO, biểu hiện tập trung và rõ nét nhất ở sự

gia tăng các chấn động ngoại nhập từ các kênh thương mại, tài chính v.v., từ đó làm gia tăng những xung lực gây mất ổn định TTCK trong nước, mà hệ quả của những cú sốc tăng giá lạm phát cao trong suốt năm 2007, nửa đầu năm 2008 và đặc biệt là cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ bùng phát cuối năm 2008 là những minh chứng điển hình.

Những thách thức và mối nguy cơ ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán trên địa bàn được đánh giá dưới hai góc độ gián tiếp và trực tiếp sau:

2.1. Những tác động gián tiếp và mối nguy cơ đe dọa

Thứ nhất, cơ hội và hiểm họa thay đổi nhanh.

Tâm lý nhà đầu tư quá lạc quan vào cơ hội và triển vọng khi VN gia nhập WTO đã tạo lên sự phát triển quá nóng trong nền kinh tế, thể hiện qua sự tăng trưởng nóng của thị trường chứng khoán và sự tăng trưởng của thị trường bất động sản. Tình trạng này đã dẫn tới hàng loạt những rủi ro tiềm ẩn; rủi ro lớn nhất về lạm phát do bong bóng tài sản và tăng trưởng tín dụng quá mức. Một số NHTM rơi vào tình trạng khó khăn về thanh khoản, do khoản vốn cho vay vào các thị trường này chưa thu hồi được. Khi chính sách thắt chặt tiền tệ nhằm chống lạm phát, nguồn vốn từ thị trường tiền tệ cung ứng cho thị trường bất động sản và thị trường chứng khoán bị cắt đã khiến cho thị trường liên tục đi xuống. Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán VN cũng chịu ảnh hưởng lớn từ khủng hoảng tín dụng ở Mỹ đã khiến cho VN Index liên tục giảm, từ đỉnh điểm 1.170 điểm xuống mức 235,5 điểm vào ngày 24/2/2009.

Thị trường chứng khoán diễn biến tăng giảm bất thường, từ sự phát triển quá nóng, quá nhanh và sau đó tụt giảm liên tục đã gây ra tác động và ảnh hưởng quá lớn không chỉ cho ngành tài chính mà cả nền kinh tế. Rủi ro tiềm ẩn gia tăng, hầu hết công ty chứng khoán lâm vào tình trạng khó khăn. Bên cạnh các công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư cũng trong tình trạng khó khăn khi phải đối diện với tài sản ròng liên tục giảm. Hầu hết, tài sản ròng của các quỹ đầu tư đều có mức giảm tương đương với mức giảm của VN-Index.

Thứ hai, mức độ tác động ảnh hưởng nhanh hơn, rộng hơn mỗi khi thị trường tài chính thế giới biến động.

Hiệu ứng tác động nhanh và có sức lan toả, đặc

biệt là đối với thị trường chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư trong và ngoài nước thường dao động; những thông tin thiếu chính xác kết hợp với khả năng phân tích nhận định thị trường yếu, nên có xu hướng “đổ xô” đi mua hoặc bán, tạo nên cung cầu ảo về chứng khoán. Trong khi đó hệ thống giám sát thị trường tài chính chưa có hoặc chưa đủ mạnh, khả năng phòng ngừa rủi ro của các nhà đầu tư cũng chưa được nâng cao nên khi thị trường tài chính thế giới biến động thì thị trường trong nước cũng bị tác động ngay.

2.2. Những tác động trực tiếp và mối nguy cơ đe dọa

Thứ nhất, thay đổi dòng vốn đầu tư tài chính vào VN.

Từ sự bùng nổ những khoản cho vay “dưới chuẩn” và chứng khoán hóa những khoản nợ này trên thị trường bất động sản đến khi thị trường này đi xuống đã khiến hàng loạt các ngân hàng đầu tư hàng đầu nước Mỹ bị phá sản nhanh chóng, tạo làn sóng khủng hoảng tài chính-ngân hàng toàn cầu, từ đó tác động đối với nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào VN và tác động trực tiếp đến dòng chuyển vốn giữa các thị trường, đặc biệt là dòng vốn đầu tư gián tiếp.

Mối đe dọa này thể hiện rõ nhất khi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu phát sinh; theo đó, bắt đầu từ quý 2 năm 2008: (1) Dòng vốn gián tiếp chuyển ra, do các tổ chức tài chính – chi nhánh hoặc công ty con đang hoạt động ở VN chuyển vốn về nước nhằm cứu nguy hoặc đảm bảo an toàn cho các công ty mẹ; (2) Dòng vốn đầu tư gián tiếp chuyển vào sẽ giảm do chính sách thắt chặt tín dụng ở hầu hết các nước trong thời gian qua; (3) Nguồn kiều hối từ Mỹ và cả từ các nước khác có chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi cuộc khủng hoảng này do thu nhập của cộng đồng người VN tại Mỹ và các nước đó cũng bị giảm sút; (4) Vốn FDI đăng ký và thực hiện sẽ giảm đáng kể trong thời gian tới, do các nhà đầu tư nước ngoài gặp những khó khăn về tài chính, thị trường và cả sự thận trọng hơn khi đưa ra các quyết định đầu tư mới, hoặc khi phải tiếp tục giải ngân, mở rộng các khoản đầu tư đang triển khai.

Thứ hai, khả năng thích ứng thị trường, khả năng phòng ngừa rủi ro còn hạn chế.

Khả năng phân tích, dự báo của các định chế tài chính nói chung, đặc biệt của các nhà đầu tư chứng khoán trong nước còn yếu, bên cạnh đó khả năng phòng chống những tình huống bất trắc, rủi

ro thị trường chưa được quan tâm, chú trọng. Chính vì vậy, khi nền kinh tế có những rủi ro xảy ra hoặc dưới tác động khủng hoảng tài chính thì khả năng ứng phó, thích ứng thị trường yếu, nên rủi ro về thanh khoản, đổ vỡ hệ thống là điều rất dễ xảy ra.

3. Những vấn đề đặt ra cần quan tâm khi VN gia nhập WTO trong bối cảnh bị tác động của cuộc khủng hoảng toàn cầu

Thứ nhất, việc tuân thủ các chuẩn mực là một nguyên tắc không thể thiếu trong một thị trường đầy tiềm năng, đầy cơ hội nhưng chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn; cơ hội và hiểm họa như nhau. Do đó, bất kỳ một tổ chức tài chính nào dù có năng lực tài chính mạnh đến đâu, kinh nghiệm và trình độ quản trị rủi ro cao ở mức độ nào thì cũng có thể bị mất khả năng thanh khoản hoặc bị phá sản.

Thứ hai, hiệu ứng tâm lý “bầy đàn” và những thông tin công bố có tác động mạnh đến thị trường. Những thông tin không chính xác, không đầy đủ hoặc bị “bóp méo” khi đưa ra công chúng đã có tác động ảnh hưởng đến thị trường và tiềm ẩn rủi ro đối với nhà đầu tư là rất lớn. Các nhà đầu cơ thường triệt để khai thác sử dụng làm công cụ cạnh tranh (tung tin giả, tin nhiễu), gây thiệt hại cho doanh nghiệp đối thủ cạnh tranh, khiến nhà kinh doanh chứng khoán lúng túng, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư sai lầm. Thông tin “gốc” bị khai thác cho các mục đích thu lợi thông qua các mảnh khoé như mua bán nội gián, bán khống, lũng đoạn thị trường.

Thứ ba, vai trò của hệ thống thông tin cảnh báo và phương án phòng ngừa rủi ro. Tác động của thông tin là rất lớn đối với thị trường tài chính là hết sức quan trọng và không thể coi nhẹ trong bất luận trường hợp nào và vào thời điểm nào...ngoài ra, cần luôn tỉnh táo với các tác động lan tỏa, dây chuyền của các diễn biến kinh tế trên thị trường trong nước và quốc tế. Cần có biện pháp xử lý ngay khi có dấu hiệu xấu xảy ra; đặc biệt, các định chế tài chính nói chung phải lượng hóa được rủi ro và xây dựng phương án phòng ngừa rủi ro, tăng khả năng ứng phó trước diễn biến tác động xấu của thị trường.

Thứ tư, khẳng định vai trò quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường:

Nhà nước có vai trò không thể thiếu được và ngày càng quan trọng hơn trong việc chống lạm

phát, khủng hoảng hoặc suy thoái kinh tế nhất là khủng hoảng đối với thị trường tài chính-ngân hàng - thị trường chứng khoán có thể xảy ra dù bất kỳ lý do nào, ở khu vực kinh tế nào thì sự can thiệp của Nhà nước cũng phải tuân thủ các yêu cầu và lợi ích thị trường, không làm ảnh hưởng sự ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm hài hòa các lợi ích, nhất là không đổ gánh nặng khủng hoảng lên người dân, người tiêu dùng. Sử dụng các công cụ nợ, biến nợ xấu thành chứng khoán có thể mua-bán trên thị trường nợ là một trong các lựa chọn cần thiết và hiệu quả trong trường hợp này và cho mục tiêu đó.

4. Dự báo xu hướng triển vọng thị trường và những giải pháp hoàn thiện phát triển thị trường chứng khoán trong quá trình gia nhập WTO

4.1. Dự báo xu hướng phát triển của thị trường tài chính - ngân hàng

Đối với thị trường chứng khoán vẫn có nhiều hy vọng phát triển khả quan trở lại, điều này xuất phát từ triển vọng và cơ hội phát triển về trung và dài hạn, cơ bản là thuận lợi của nền kinh tế VN nói riêng, thế giới nói chung; từ xu hướng tái cấu trúc vĩ mô, vi mô nền kinh tế và các doanh nghiệp đang và sẽ gia tăng. Triển vọng thu hút FDI, đầu tư gián tiếp nước ngoài và kiều hối vào VN cũng khả quan. Ngoài ra, thực tế cho thấy rằng chỉ số chứng khoán không thể xuống thấp hơn nữa khi mà thị trường tài chính thế giới và các nền kinh tế lớn của thế giới như Mỹ, Nhật, Trung Quốc và các nước châu Âu có dấu hiệu phục hồi.

Bên cạnh đó, yếu tố nội tại của các công ty chứng khoán, doanh nghiệp niêm yết với các hoạt động nghiệp vụ và giao dịch chứng khoán diễn ra lành mạnh, ổn định, từng bước mở rộng về quy mô, đa dạng về chủng loại, đồng bộ về cơ cấu, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh trong sự tuân thủ chung khuôn khổ luật pháp nhà nước và tiếp cận với các tiêu chuẩn, yêu cầu và cam kết quốc tế, VN ngày càng mở cửa, thu hút rộng rãi hơn các tổ chức đầu tư tài chính quốc tế từ nước ngoài đầu tư vào.

4.2. Giải pháp phát triển

Tập trung một số giải pháp cơ bản, trọng tâm, tầm nhìn lâu dài như sau:

Thứ nhất, tạo cung cầu hợp lý cho hàng hoá trên thị trường chứng khoán.

Cung cầu hàng hóa theo hướng đa dạng về số lượng, chủng loại và nâng cao chất lượng hàng hóa cho TTCK; đa dạng hóa các kỳ hạn trái phiếu chính phủ phát hành theo lịch biểu; khuyến khích và tạo điều kiện để đưa các loại trái phiếu công trình, trái phiếu đô thị lên niêm yết, giao dịch trên TTCK tập trung. Phát triển các loại chứng khoán khác như: quyền mua cổ phiếu, trái phiếu công ty, trái phiếu chuyển đổi của doanh nghiệp, chứng chỉ quỹ đầu tư để đưa vào niêm yết và giao dịch trên TTCK.

Thứ hai, tổ chức lại các thành phần tham gia thị trường đồng thời triệt để cải cách thủ tục hành chính.

Khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng, các đơn vị và cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán. Mở rộng giới hạn đầu tư cổ phiếu đối với các nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán VN. Cho phép các tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài góp vốn, mua cổ phần hoặc thành lập công ty chứng khoán liên doanh với các pháp nhân trong nước. Cho phép các quỹ đầu tư chứng khoán nước ngoài tham gia thị trường chứng khoán VN. Song song bên cạnh đó phải triệt để cải cách thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian và chi phí, như vậy mới thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán VN.

Phát triển các nhà đầu tư có tổ chức và các nhà đầu tư cá nhân; thiết lập hệ thống các nhà đầu tư có tổ chức bao gồm các ngân hàng thương mại, các công ty chứng khoán, các công ty tài chính, các công ty bảo hiểm, các quỹ bảo hiểm, quỹ đầu tư, tạo điều kiện cho các tổ chức này tham gia thị trường với vai trò là các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và thực hiện chức năng của các nhà tạo lập thị trường.

Chú trọng cho các nhà đầu tư về khả năng phân tích thông tin, nhận định thị trường và khả năng phòng chống rủi ro; tạo yếu tố niềm tin, tránh tâm lý đầu tư theo phong trào.

Thứ ba, đối với các công ty chứng khoán.

Tăng quy mô và phạm vi hoạt động nghiệp vụ kinh doanh, dịch vụ của các công ty chứng khoán. Phát triển các công ty chứng khoán theo hai loại hình: công ty chứng khoán đa nghiệp vụ và công ty chứng khoán chuyên doanh, nhằm tăng chất lượng cung cấp dịch vụ và khả năng chuyên môn hóa hoạt động nghiệp vụ.

- Tăng cường tuyên truyền, thông tin về TTCK, về các chứng khoán lưu hành và niêm yết trên thị trường chứng khoán. Tăng cường đào tạo, tuyên truyền, quảng bá và phổ biến kiến thức về chứng khoán cho công chúng, doanh nghiệp và lãnh đạo các cấp.

Thứ tư, thực hiện giải pháp quản lý giám sát tài chính.

- Chính phủ phải tăng cường và thực hiện tốt vai trò giám sát tài chính đối với thị trường tài chính nói chung, các tổ chức trung gian tài chính, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Tăng cường năng lực quản lý thị trường tài chính trên các khu vực bảo hiểm, kế toán, kiểm toán và dịch vụ tư vấn tài chính nhằm tạo mối liên thông phát triển an toàn các thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán trong thị trường tài chính nói chung ...

- Thành lập trung tâm thông tin để cung cấp kịp thời những thông tin cho các tổ chức tài chính, các nhà đầu tư để ngăn ngừa rủi ro và định hướng hoạt động phù hợp diễn biến tình hình trong và ngoài nước. Thông tin phải minh bạch và chính sách phải ổn định, được hoàn thiện dần theo hướng có thể dự báo được. Tăng chất lượng và vai trò dự báo về tác động 2 mặt của chính sách. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác phân tích, dự báo lạm phát và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác trên cơ sở áp dụng một số mô hình kinh tế lượng, từ đó chính sách được thực thi một cách chủ động với mục tiêu rõ ràng được xác định trung hạn.

- Sớm xây dựng, hình thành và phát triển trung tâm tài chính TP.HCM trở thành trung tâm tài chính của cả nước và khu vực. Kết nối thông tin, tăng cường phối hợp hoạt động của trung tâm tài chính – ngân hàng TP.HCM với Bộ Tài chính, NHNN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan hữu quan khác■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ThS. Nguyễn Văn Dũng (Chủ nhiệm), *Đánh giá tác động của việc gia nhập WTO đối với hoạt động ngân hàng và thị trường chứng khoán trên địa bàn TP.HCM*, đề tài khoa học.
2. Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, *Tổng quan về tình hình hoạt động Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM – 8 năm nhìn lại*.
3. Số liệu của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM từ năm 2004 – 2008.